

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05/TT-BKS



Thái Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị thông qua
Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản số 19/BB-HĐQT ngày 13/5/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

(Có dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Khánh Lâm

(DỰ THẢO)

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số 05/TTr-BKS ngày 10 tháng 5 năm 2024 của
Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên)*

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG | 3 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 3 |
| Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát..... | 3 |
| Điều 3: Viết tắt và giải thích từ ngữ | 3 |
| Điều 4. Áp dụng văn bản..... | 4 |
| CHƯƠNG II – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)..... | 4 |
| Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát | 4 |
| Điều 6: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát | 5 |
| Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát | 5 |
| Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát | 5 |
| Điều 9: Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát..... | 6 |
| Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát..... | 6 |
| Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát | 7 |
| CHƯƠNG III – BAN KIỂM SOÁT..... | 8 |
| Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát..... | 8 |
| Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát..... | 9 |
| Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát..... | 9 |
| Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát | 10 |
| Điều 16. Trình tự tổ chức họp Ban kiểm soát..... | 10 |
| Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát | 10 |
| CHƯƠNG IV - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH..... | 11 |
| Điều 18. Trình báo cáo hàng năm | 11 |
| Điều 19. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác | 11 |
| Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan | 12 |
| CHƯƠNG V - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT..... | 12 |
| Điều 21. Mối quan hệ giữa các Thành viên Ban kiểm soát..... | 12 |
| Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành..... | 13 |
| Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị..... | 13 |
| CHƯƠNG VI - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 13 |
| Điều 24. Hiệu lực thi hành | 13 |

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số 05/TTr-BKS ngày 10 tháng 5 năm 2024 của
Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên)*

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại
chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2024;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát công ty.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của mình.

Điều 3: Viết tắt và giải thích từ ngữ

- Quy chế: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- Công ty: Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

Điều 4. Áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì áp dụng các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của Pháp luật.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Công ty và quy định mới của pháp luật.

CHƯƠNG II – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có các quyền:

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
2. Được yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thành viên Ban kiểm soát có các nghĩa vụ:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty là 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.

3. Số lượng thành viên Ban kiểm soát nếu thay đổi sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại phiên họp bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ tương ứng.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.

c) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác).

d) Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

- c) Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát.
- d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Ban kiểm soát triệu tập.
- đ) Ký các văn bản của Ban kiểm soát.
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty.

2. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

3. Trưởng Ban kiểm soát có thể bị bãi miễn theo quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 9: Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 75% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 ứng viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 75% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa 03 ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm việc theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- c) Thành viên Ban kiểm soát là cổ đông nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác hoặc số cổ phần nắm giữ còn lại không đủ tiêu chuẩn để được đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.

d) Thành viên Ban kiểm soát là người đại diện ủy quyền, người do cổ đông là tổ chức đề cử nhưng đã bị rút tư cách đại diện ủy quyền, rút tư cách đại diện tham gia thành viên Ban kiểm soát hoặc cổ đông là tổ chức được đại diện, tổ chức đề cử đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác hoặc số cổ phần nắm giữ còn lại không đủ tiêu chuẩn để được đề cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.

đ) Khi cổ đông rút ủy quyền đại diện quản lý vốn góp cổ phần, rút tư cách đại diện tham gia làm thành viên Ban kiểm soát của Kiểm soát viên thì cổ đông đó có quyền đề cử người đại diện khác thay thế; khi đó người đại diện mới của cổ đông sẽ được công nhận là thành viên Ban kiểm soát mới thay thế thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm kể từ thời điểm Ban kiểm soát họp và ra thông báo xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thông qua. Tuy nhiên, thành viên Ban kiểm soát thay thế này cần phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại phiên họp gần nhất; nếu Đại hội đồng cổ đông không phê chuẩn thành viên Ban kiểm soát thay thế này thì Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành bầu bổ sung tại phiên họp này hoặc phiên họp kế tiếp gần nhất.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định trong Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III – BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện quyền giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong việc quản trị, điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định theo Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo phân công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được phân công phụ trách phần công việc nào thì thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến đối với phần công việc đó.

3. Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban Kiểm soát và thực hiện báo cáo các vấn đề phát sinh trực tiếp với Trưởng ban kiểm soát.

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau bầu cử Ban kiểm soát. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ để triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ và bất thường do Trưởng ban kiểm soát hoặc người tạm giữ chức Trưởng ban kiểm soát hoặc một thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền bởi Trưởng ban kiểm soát triệu tập.

3. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất 02 lần trong 1 năm. Ban kiểm soát có thể tổ chức họp bất thường để giải quyết các vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty.

4. Số thành viên dự họp đảm bảo ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn thành viên theo quy định của pháp luật.

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát tiến hành ở địa chỉ trụ sở Công ty.

Điều 16. Trình tự tổ chức họp Ban kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt trong đó nêu rõ chương trình họp, nội dung, thời gian, địa điểm họp và phải được gửi kèm các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IV - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG V - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên bao gồm VI chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Khánh Lâm